

Bản án số: 12/2018/HS - PT
Ngày: 09 - 02 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Việt

Bà Từ Thị Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Cao Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại Phòng xét xử án hình sự Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2018/TLPT – HS ngày 04 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo Lê Đức Th và Nguyễn Đại V, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2017/HS - ST ngày 28 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá.

- Các bị cáo kháng cáo:

1. Lê Đức Th (tên gọi khác B), sinh ngày 29/8/1988 tại xã X, huyện M, tỉnh Quảng Bình

Nơi cư trú: Tiểu khu A, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông không xác định được bố và bà Cao Thị V (chết); có vợ Nguyễn Thị T và 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Có 02 tiền án, ngày 07/5/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 18 tháng về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ"; Ngày 16/4/2015 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tổng hợp 02 bản án Lê Đức Th phải chấp hành 27 tháng tù. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/6/2017, hiện đang tạm

giám tại Nhà tạm giữ Công an huyện M, tỉnh Quảng Bình, có mặt theo Lệnh trích xuất để xét xử phúc thẩm.

2. Bị cáo Nguyễn Đại V(tên gọi khác: B), sinh ngày 13/8/1988 tại xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình

Nơi cư trú: Thôn Văn Hóa C, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ học vấn: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đại Kh và bà Đinh Thị Thanh B; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Minh Hóa theo một vụ án khác, bị cáo có mặt tại phiên tòa theo Lệnh trích xuất của Tòa án.

Trong vụ án này còn có người bị hại Lê Đức Th, Đinh Thị Như Q, Cao Quốc V, Cao Thanh M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cao Sơn H, Cao Như H, Đinh Thị Bích H, Hoàng Trung K nhưng kháng cáo của hai bị cáo Th và V không liên quan đến những người này nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập họ đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa , nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong tháng 6 và tháng 7 năm 2017, Lê Đức Th đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện M, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 01 giờ ngày 06/6/2017, Lê Đức Th vào phòng anh Lê Đức Th ở Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện M lấy trộm 01 máy tính xách tay và 01 điện thoại di động trị giá 11.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 1 giờ 30 phút ngày 12/6/2017, Lê Đức Th đến Bệnh viện đa khoa huyện M lấy trộm của chị Đinh Thị Như Q 01 điện thoại hiệu Sam sung trị giá 3.296.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 1 giờ ngày 18/6/2017, Lê Đức Th đến Bệnh viện đa khoa huyện M lấy trộm của anh Cao Quốc V 01 túi xách bên trong có 03 điện thoại di động và nhiều giấy tờ khác, tổng trị giá Th lấy trộm là 7.736.000 đồng. Sau khi lấy trộm được tài sản Th mang vào Đồng Hới gặp Nguyễn Đại V và nói cho V biết mình đã lấy trộm tài sản và bảo V đi bán điện thoại, V đồng ý và mang 01 điện thoại bán cho anh Hoàng Trung K giá 1.000.000 đồng, số tiền này V và Th chia nhau sử dụng.

Vụ thứ tư: Khoảng 1 giờ, ngày 19/6/2017, Lê Đức Th đến Bệnh viện đa khoa huyện M lấy trộm của anh Cao Thanh M 01 điện thoại hiệu Nokia trị giá 420.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2017/HSST ngày 28/11/2017 của Toà án nhân dân huyện Minh Hoá quyết định tuyên bố bị cáo Lê Đức Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Nguyễn Đại V phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Lê Đức Th 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 27/6/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 250, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Đại V 01 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Đức Th 45 ngày để đảm bảo việc thi hành án, buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo cho bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Ngày 12 tháng 12 năm 2017, bị cáo Lê Đức Th có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 12 tháng 12 năm 2017, bị cáo Nguyễn Đại V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo tại địa phương để chuộc lại lỗi lầm và chăm lo cho bố, mẹ.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Đức Th và Nguyễn Đại V thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã xét xử, bị cáo Th xin giảm nhẹ hình phạt vì mức hình phạt tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo quá nặng; bị cáo V xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, bị cáo, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa án sơ thẩm, xử phạt bị cáo Lê Đức Th 03(ba) năm 06(sáu) tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 27/6/2017; Áp dụng khoản 1 Điều 250, điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa án sơ thẩm, xử phạt bị cáo Nguyễn Đại V 09(chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án , căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Đức Th thừa nhận trong tháng 6 và tháng 7 năm 2017, bị cáo đã trực tiếp thực hiện 04 lần trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản là 22.450.000 đồng, bị cáo có 02 tiền án chưa được xóa án tích. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội.

[2] Bị cáo Nguyễn Đại V thừa nhận biết được việc bị cáo Lê Đức Th trộm cắp điện thoại di động Galaxy J5, nhưng khi bị cáo Th nhờ bán điện thoại bị cáo V đồng ý và được bị cáo Th chia 500.000 đồng từ việc bán điện thoại. Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Đại V phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là có căn cứ, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Đức Th thấy, bị cáo có 02 tiền án (ngày 07/5/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ; ngày 16/4/2015 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, tổng hợp hai bản án bị cáo Th phải chấp hành 27 tháng tù) và 04 lần trộm cắp tài sản, bị cáo có nhân thân xấu, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng hình phạt đối với bị cáo khi lượng hình là đúng quy định.

[4] Tuy nhiên, toàn bộ tài sản bị cáo Th lấy trộm đã được thu hồi trả lại cho các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án nên thiệt hại xảy ra không lớn, tình tiết giảm nhẹ đó được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Th 04 năm tù là quá nghiêm khắc, vì vậy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Th và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa để giảm nhẹ cho bị cáo Th một phần hình phạt khi lượng hình.

[5] Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Đại V thấy, bị cáo có nhân thân xấu, ngày 16/11/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, đã được xóa án tích nhưng hiện tại bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Minh Hóa để điều tra một vụ án khác, theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ – HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự về án treo thì kháng cáo xin được hưởng án treo của Nguyễn Đại V không được chấp nhận.

[6] Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo V thấy, bị cáo tiêu thụ 01 điện thoại di động Galaxy J5 giá 4.490.000 đồng là tài sản có giá trị không lớn và tài sản này đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, tại phiên tòa bị cáo xuất trình bản sao Huân chương kháng chiến hạng ba của bà Đinh Thị Thanh B là mẹ của bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm g khoản, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là thiếu sót. Mặt khác bị cáo một lần tiêu thụ tài sản nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm tù là quá nghiêm khắc. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đại V và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[7] Bị cáo Lê Đức Th đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình từ ngày 27/6/2017 cho đến nay, cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc giải quyết vụ án.

[8] Kháng cáo của bị cáo Lê Đức Th và bị cáo Nguyễn Đại V [8] Do kháng được Hội đồng xét xử chấp nhận nên hai bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự và án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248, điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật tố tụng hình sự, xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Đức Th và Nguyễn Đại V, để sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2017/HSST ngày 28 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Lê Đức Th 03(ba) năm 06(sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 27/6/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 250, điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Đại V 06(sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Quyết định tạm giam bị cáo Lê Đức Th 45 ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 09/02/2018 để đảm bảo việc thi hành án.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự và án phí hình sự sơ thẩm có hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 09/02/2018.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh (P3);
- TAND huyện Minh Hoá;
- Chi cục THA dân sự huyện Minh Hóa;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa